

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 906/2024/HS-PT

Ngày: 12/11/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Anh Thắng;

Các Thẩm phán: Ông Ngô Quang Dũng;

Ông Nguyễn Tiến Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Ngọc Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Huy Hoàng - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 12 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 511/2024/TLPT-HS ngày 06 tháng 5 năm 2024 đối với bị cáo Nguyễn Hồng P, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 181/2024/HS-ST ngày 28 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Hồng P, sinh năm 1980; nơi đăng ký HKTT: Thôn B, xã B, huyện Đ, thành phố Hà Nội; chỗ ở: P, tòa S, chung cư S, phường M, quận H, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H và bà Đỗ Thị L; có vợ là chị Trần Thị Thanh H1 và có 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2014; nhân thân, tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 25/8/2023 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 1 – Công an thành phố H; có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Nguyễn Đức H2 – Công ty L1, Đoàn Luật sư thành phố H; có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị hại không có kháng cáo, Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu năm 2022, Nguyễn Hồng P đưa ra thông tin gian dối, giới thiệu với anh Hoàng Ngọc T (anh T và P có mối quan hệ trong gia đình) là “P có mối quan hệ tốt với các đồng chí lãnh đạo UBND huyện Đ, có khả năng xin được các dự án xây dựng trên địa bàn huyện Đ như công trình đường giao thông nông thôn xã B; Công trình xây dựng Bệnh viện B1; Công trình xây dựng trường C (giai đoạn 2)... dự kiến triển khai vào tháng 6/2022”. P nhờ anh T giới thiệu các đối tác là Công ty X để thực hiện dự án và phải đưa cho P 1.500.000.000 đồng làm chi phí để lo quan hệ (chạy dự án), anh T tin tưởng nên thỏa thuận với P, anh T sẽ bỏ ra 1.500.000.000 đồng để P làm chi phí xin dự án, nếu xin được các dự án nêu trên thì P sẽ chuyển các dự án này cho các Công ty của anh T giới thiệu. Để anh T tin tưởng, ngày 20/3/2022, P hẹn gặp anh T tại quán bia thuộc hẻm H, đường N, phường M, quận H, thành phố Hà Nội. Tại đây, P đưa cho anh T xem 01 bản phô tô Quyết định số 4720/QĐ-UBND ngày 10/6/2021 của UBND huyện Đ về việc giao nhiệm vụ thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư các dự án trên địa bàn xã B giai đoạn 2021-2025 và 01 bản Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, cải tạo, nâng cấp Bệnh viện B1 quy mô 420 giường đẻ năm 2021 nhưng không có dấu, chữ ký của đơn vị phát hành (P khai không nhớ ai đã đưa cho P các tài liệu này). Sau đó, anh T đưa cho P 02 bộ hồ sơ năng lực của 02 nhà thầu gồm: Xí nghiệp 10 - Tổng Công ty Đ và Công ty TNHH Đ1. Khoảng 02 ngày sau, P chủ động liên hệ và dẫn anh Lê Quang V là Phó Giám đốc Xí nghiệp 10 - Tổng Công ty Đ và chị Phạm Thị H3 là Cán bộ Phòng Kế hoạch - Công ty Đ1 đi khảo sát thực tế một số con đường liên thôn xã B và Bệnh viện B1, huyện Đ (khi đi khảo sát không gặp ai là người có thẩm quyền liên quan đến việc đầu tư xây dựng các dự án). Khi đến Bệnh viện B1, anh V yêu cầu P cho xem bản vẽ thẩm tra phê duyệt và dự toán về kinh phí sửa chữa cải tạo Bệnh viện B1 của cấp có thẩm quyền với mục đích để Công ty của anh V nghiên cứu và gửi giá chào thầu cho Chủ đầu tư, nhưng P trả lời là chưa có. Khi khảo sát con đường liên thôn tại xã B, chị H3 hỏi P các mối quan hệ của P đến đâu và quyết định được những vấn đề gì thì P chỉ trả lời chung chung là P có nhiều mối quan hệ. Anh V, chị H3 thấy khả năng lo triển khai dự án của P không đảm bảo nên không hợp tác với anh T. Ngày 28/3/2022, P bố trí cho anh T ngồi ăn uống giao lưu với anh Nguyễn Hữu D - Giám đốc Ban quản lý dự án huyện Đ và anh Nguyễn Quốc K - Phó Phòng Kế hoạch tổng hợp - Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng thành phố H tại C, khi ăn uống không bàn công việc gì. Ngày 29/3/2022, P nhắn tin qua zalo đưa thông tin rằng: Ông D (quyền Trưởng Ban quản lý dự án huyện Đ) bảo phải báo cáo Lãnh đạo UBND huyện Đ gấp về dự án Bệnh viện, cần chuyển tiền sớm để hoàn thiện công việc và phát triển mối quan hệ nên bảo anh T lo tài chính. Tin tưởng P, ngày 30/3/2022, anh T đã chuyển khoản 500.000.000 đồng từ tài khoản số 0833447777 của anh T tại Ngân hàng S đến tài khoản số 157666789 của P tại Ngân hàng V1. Đến ngày 08/4/2022, P tiếp tục thúc giục anh T chuyển 1.000.000.000 đồng còn lại, nên ngày 15/4/2022, anh T (vay tiền tại F88) chuyển khoản 1.000.000.000 đồng từ tài khoản Ngân hàng của anh T đến tài khoản Ngân hàng của P. Tổng số

tiền anh T chuyển cho P là 1.500.000.000 đồng. P cam kết dự kiến các dự án sẽ triển khai vào tháng 6/2022 nhưng ngày 10/5/2022, anh T không thấy P đưa hồ sơ pháp lý liên quan đến các dự án sẽ triển khai cho anh T xem, anh T không tin tưởng nên yêu cầu P trả lại tiền. P hẹn ngày 10/7/2022 sẽ trả lại cho anh T số tiền trên nhưng đến ngày 10/7/2022 P không trả tiền, P viết 01 Bản cam kết trả tiền ngày 10/7/2022, nội dung: “*Nguyễn Hồng P hẹn đến ngày 24/7/2022 sẽ trả lại cho anh Hoàng Ngọc T số tiền 1,5 tỷ đồng, từ ngày 12/7/2022 đến ngày 14/7/2022 sẽ trả trước cho anh T tiền lãi 40.000.000 đồng*”. Đến ngày 24/7/2022, P chỉ trả cho anh T 80.000.000 đồng (tiền lãi anh T vay của F88) và viết tiếp 01 Bản cam kết trả tiền ngày 24/7/2022, nội dung: “*Nguyễn Hồng P sẽ trả lại số tiền 1,5 tỷ đồng, sau 06 tuần (2 tuần 1 kỳ, tổng số 3 kỳ)*”. Tuy nhiên, đến ngày 10/12/2022, P chỉ trả được cho anh T 950.000.000 đồng, còn lại là 550.000.000 đồng P không trả nên anh T đã gửi đơn đến Cơ quan điều tra tố giác P có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Đến ngày 03/6/2023, P đã trả cho anh T tổng số 1.580.000.000 đồng (trong đó có 80.000.000 đồng là tiền lãi). Ngày 24/7/2023, anh T có đơn xin giảm mức hình phạt cho P.

Cơ quan điều tra trưng cầu giám định 02 “bản cam kết trả tiền” đề ngày 10/7/2022 và ngày 24/7/2022 do anh Hoàng Ngọc T giao nộp. Tại bản Kết luận giám định số 2466/KL-KTHS ngày 24/4/2023, Phòng K1 - Công an thành phố H kết luận: “*Chữ viết phần nội dung; chữ ký, chữ viết dòng họ tên Nguyễn Hồng P, dưới chữ ký trên các mẫu cần giám định với chữ viết, chữ ký dòng họ tên Nguyễn Hồng P trên các mẫu so sánh là chữ do cùng một người viết và ký ra*”.

Kết quả sao kê tài khoản Ngân hàng của Nguyễn Hồng P và anh Hoàng Ngọc T thể hiện: Nguyễn Hồng P đã nhận số tiền 1.500.000.000 đồng của anh Hoàng Ngọc T phù hợp với nội dung vụ án nêu trên.

Tại Cơ quan điều tra: Nguyễn Hồng P khai nhận nội dung như đã nêu trên. Toàn bộ số tiền 1.500.000.000 đồng, P chuyển cho em trai là Nguyễn Văn Q (anh Q còn là em đồng hao của anh T) để chữa bệnh cho bố đẻ 70.000.000 đồng (nhưng không nói là tiền nhận của anh T), số tiền còn lại P đã chi tiêu cá nhân hết. P không liên hệ và chuyển tiền cho ai để xin thi công xây dựng các dự án tại huyện Đ, thành phố Hà Nội như đã nêu trên.

- Về trách nhiệm dân sự: Hiện Nguyễn Hồng P đã trả lại cho anh T tổng số tiền 1.580.000.000 đồng (trong đó: 1.500.000.000 đồng là tiền anh T chuyển cho P, 80.000.000 đồng là tiền lãi).

Tại bản Cáo trạng số 708/CT-VKS-P3 ngày 30/11/2023, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội truy tố Nguyễn Hồng Phong về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 181/2024/HS-ST ngày 28 tháng 3 năm 2024, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt Nguyễn Hồng P 10 (M) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Thời hạn tù tính từ ngày 25/8/2023.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quy định về án phí, xử lý vật chứng và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 02/4/2024, bị cáo Nguyễn Hồng P có đơn kháng cáo toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Hồng P thay đổi nội dung kháng cáo, thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi tóm tắt nội dung vụ án đã phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án, xác định bị cáo Nguyễn Hồng P bị truy tố, xét xử về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật, không oan, mức hình phạt là tương xứng. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thay đổi nội dung kháng cáo từ kêu oan sang xin giảm nhẹ hình phạt, thể hiện thái độ thực sự thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Mặt khác, bị cáo chưa được Tòa án cấp sơ thẩm ghi nhận tình tiết giảm nhẹ mới gia đình có công với cách mạng, bị cáo có bố đẻ là thương binh quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Căn cứ tính chất, mức độ hành vi phạm tội, trên cơ sở cân nhắc tới các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng, xét bị cáo có nhân thân tốt, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu nên có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng giảm nhẹ cho bị cáo từ 01 – 02 năm tù.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hồng P trình bày: Mặc dù quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội, tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Hồng P thay đổi kháng cáo, thừa nhận hành vi phạm tội, tỏ ra thực sự ăn năn hối cải; bị cáo cùng với gia đình đã khắc phục toàn bộ hậu quả với bị hại trước khi khởi tố vụ án; bị cáo chưa có tiền án tiền sự; phạm tội do nhận thức pháp luật hạn chế; bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có bố đẻ là thương binh trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, mẹ bị cáo là người cao tuổi có nhiều bệnh nền, con bị cáo còn trong độ tuổi ăn học, vợ bị cáo là lao động tự do thu nhập không ổn định, bị cáo là lao động chính trong gia đình; vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giảm nhẹ đáng kể hình phạt cho bị cáo, giúp bị cáo yên tâm cải tạo, sớm trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hồng P trong thời hạn luật định và hợp lệ, được chấp nhận xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Hồng P thay đổi kháng cáo, theo đó, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, thành khẩn khai báo, xác định bị cáo bị cấp sơ thẩm truy tố, xét xử

về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật, không oan; bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Căn cứ quy định tại Điều 342 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận việc thay đổi nội dung kháng cáo của bị cáo từ kêu oan sang xin giảm nhẹ hình phạt.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Hồng P thừa nhận phạm tội, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, vật chứng thu giữ, Kết luận giám định, Kết quả sao kê tài khoản Ngân hàng, trích xuất dữ liệu điện tử trong điện thoại thu giữ của bị cáo, bị hại, cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận:

Mặc dù không có chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và khả năng xin thực hiện các dự án xây dựng tại địa bàn huyện Đ, thành phố Hà Nội nhưng bị cáo Nguyễn Hồng P đã đưa ra các thông tin gian dối, dùng thủ đoạn gian dối nhằm mục đích để bị hại Hoàng Ngọc T tin tưởng, chuyển cho bị cáo tổng số tiền 1.500.000.000 đồng; sau khi nhận được tiền, bị cáo không liên hệ, không thực hiện công việc đã hứa hẹn với anh T mà bị cáo chiếm đoạt, sử dụng để chi tiêu cá nhân hết.

Vì vậy, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử bị cáo Nguyễn Hồng P về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan.

[4] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Hồng P, Hội đồng xét xử thấy:

Hành vi của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm, đã xâm phạm trực tiếp tới quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu tới tình hình an ninh trật tự xã hội, gây bức xúc trong dư luận, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân, vì vậy cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đảm bảo tác dụng răn đe, giáo dục riêng bị cáo và phòng ngừa chung tội phạm.

Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết cho bị cáo như xem xét tới bị cáo có nhân thân tốt, bản thân chưa tiền án, tiền sự, bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào và được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo (nhưng có mức độ); bị cáo đã bồi thường, khắc phục hậu quả toàn bộ cho bị hại và được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, từ đó áp dụng cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ

trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự là có căn cứ. Do bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự khi quyết định hình phạt đối với bị cáo là phù hợp quy định pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, do nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật nên bị cáo đã thay đổi nội dung kháng cáo sang xin giảm nhẹ hình phạt, thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, tỏ ra thực sự ăn năn hối cải nên được áp dụng đầy đủ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự khi xem xét về hình phạt đối với bị cáo. Ngoài ra, bị cáo còn xuất trình thêm được tài liệu thể hiện gia đình bị cáo có công với cách mạng, bố bị cáo là thương binh chống Mỹ cứu nước, đây là tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, căn cứ tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, trên cơ sở cân nhắc, xem xét tới các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng, nhân thân của bị cáo, về hậu quả vụ án cơ bản đã được khắc phục toàn bộ và đặc biệt là thái độ thực sự thành khẩn, ăn năn hối cải của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm thì có cơ sở để Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị cáo, tiếp tục áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự, giữ nguyên hình phạt tù có thời hạn nhưng giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, giúp bị cáo yên tâm cải tạo, sớm có cơ hội trở về phụng dưỡng bố mẹ già, chăm sóc các con nhỏ, trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội. Việc giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và người bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm không gây nguy hại cho xã hội mà vẫn đảm bảo mục đích trừng trị, giáo dục, cải tạo người phạm tội, phòng ngừa tội phạm, thực thi công lý, công bằng xã hội của hình phạt.

[5] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo Nguyễn Hồng P không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hồng P; sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 181/2024/HS-ST ngày 28 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội về hình phạt đối với bị cáo, cụ thể:

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt Nguyễn Hồng P **07 (B)** năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Thời hạn tù tính từ ngày 25/8/2023.

2. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Hồng P không phải chịu án phí hình sự phúc

thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I – TANDTC;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- Cục THADS thành phố Hà Nội;
- Công an tỉnh thành phố Hà Nội;
- TTG – Công an thành phố Hà Nội;
- Bị cáo (qua TTG);
- Lưu: P. HCTP, HSVA.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Anh Thắng